

Số: 814/QĐ-UBND

Kỳ Thượng, ngày 08 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán
thu, chi ngân sách xã quý III năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ Tài chính, quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước ;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 08/01/2026 của Hội đồng nhân dân xã Kỳ Thượng, về phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã quý III năm 2026, theo các Phụ lục đính kèm.

Điều 2: Tổ chức thực hiện.

Giao phòng Văn hóa – Xã hội thực hiện công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã quý III năm 2026 trên cổng thông tin điện tử của xã.

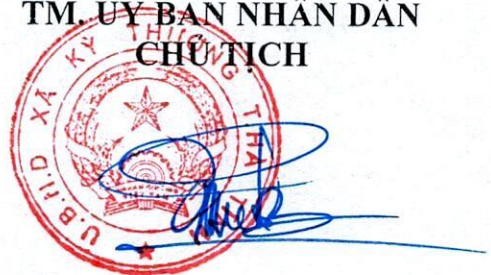
Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- Ban KTNS HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Công TTĐT xã;
- Phòng Văn hóa- Xã hội;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Cao Cường



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 08/10/2026 của UBND xã Kỳ Thuông)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	129.362.000	36.321.544	28,08%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	90.000	77.462	86,07%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	5.794.000	1.907.031	32,91%
3	Thu bổ sung	117.770.000	34.337.050	29,16%
	- Thu bổ sung cân đối	92.176.000	23.043.000	25,00%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	25.594.000	11.294.050	44,13%
4	Thu chuyển nguồn	3.932.000	0	
5	Thu kết dư	1.776.000		
II	TỔNG SỐ CHI	129.362.000	35.185.097	27,20%
1	Chi đầu tư phát triển	12.890.000	3.543.480	27,49%
2	Chi thường xuyên	114.407.000	31.365.303	27,42%
3	Dự phòng	2.065.000		0,00%
4	Chi nộp ngân sách cấp trên		276.314	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ



(Kèm theo Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 08/10/2026 của UBND xã Kỳ Thượng)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ III		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	TỔNG THU	136.938.000	129.362.000	38.845.209	36.321.544	28,37%	28,08%
	Thu ngân sách trên địa bàn	13.460.000	5.884.000	3.891.845	1.984.494	28,91%	33,73%
I	Các khoản thu 100%	90.000	90.000	150.451	77.462	167,17%	86,07%
	Phí, lệ phí	80.000	80.000	52.864	39.778	66,08%	49,72%
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			60.508	750		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	10.000	10.000	37.080	36.934	370,80%	369,34%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	13.370.000	5.794.000	3.741.394	1.907.031	27,98%	32,91%
1	Các khoản thu phân chia	2.520.000	1.270.000	959.700	479.935	38,08%	37,79%
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			170	170		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	20.000	20.000	2.000	1.000	10,00%	5,00%
	- Lệ phí trước bạ	2.500.000	1.250.000	957.530	478.765	38,30%	38,30%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	10.850.000	4.524.000	2.781.693	1.427.096	25,64%	31,55%

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ III		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	- Thuế giá trị gia tăng	1.000.000	500.000	879.810	312.816	87,98%	62,56%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			74.394	37.197		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			10.584	5.292		
	- Thuế tài nguyên						
	- Thuế thu nhập cá nhân	440.000	220.000	240.741		54,71%	0,00%
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
	- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	10.000	4.000			0,00%	0,00%
	- Thu tiền sử dụng đất	9.400.000	3.800.000	1.576.164	1.071.792	16,77%	28,21%
	- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
III	Tạm thu			616.314			
IV	Thu chuyển nguồn	3.932.000	3.932.000				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	1.776.000	1.776.000				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	117.770.000	117.770.000	34.337.050	34.337.050	29,16%	29,16%
	- Thu bổ sung cân đối	92.176.000	92.176.000	23.043.000	23.043.000	25,00%	25,00%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	25.594.000	25.594.000	11.294.050	11.294.050	44,13%	44,13%

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 08/10/2026 của UBND xã Kỳ Thượng)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			THỰC HIỆN QUÝ III			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	129.362.000	12.890.000	116.472.000	35.185.097	3.543.480	31.641.617	27,20%	27,49%	27,17%
	Trong đó:	0			0					
1	Chi giáo dục	51.356.000	2.744.000	48.612.000	17.380.157	2.568.952	14.811.205	33,84%	93,62%	30,47%
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	150.000		150.000	72.750		72.750	48,50%		48,50%
3	Chi quốc phòng	1.741.000		1.741.000	300.425		300.425	17,26%		17,26%
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	370.000		370.000	0			0,00%		0,00%
5	Chi y tế	6.567.000		6.567.000	1.881.882		1.881.882	28,66%		28,66%
6	Chi văn hoá, thông tin	275.000		275.000	131.666		131.666	47,88%		47,88%
7	Chi phát thanh, truyền thanh	90.000		90.000	29.952		29.952	33,28%		33,28%
8	Chi thể dục thể thao	200.000		200.000	26.995		26.995	13,50%		13,50%
9	Chi bảo vệ môi trường	1.000.000		1.000.000	25.875		25.875	2,59%		2,59%
10	Chi các hoạt động kinh tế	13.355.000	6.097.000	7.258.000	1.854.100		1.854.100	13,88%	0,00%	25,55%
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	28.717.000	4.049.000	24.668.000	8.132.224	974.528	7.157.697	28,32%	24,07%	29,02%
12	Chi cho công tác xã hội	22.803.000		22.803.000	5.072.757		5.072.757	22,25%		22,25%
13	Chi khác	673.000		673.000	0			0,00%		0,00%
14	Dự phòng ngân sách	2.065.000		2.065.000	0			0,00%		0,00%
15	Chi nộp ngân sách cấp trên				276.314		276.314			

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ